

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bắc Giang, tháng 4 năm 2012

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Số 2 Hà Bắc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc thuộc Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 1725/QĐ - BXD ngày 04/11/2004 của Bộ Xây dựng.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2003000122 ngày 24 tháng 11 năm 2004, thay đổi lần thứ 4 ngày 26 tháng 09 năm 2009.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: HA BAC CONSTRUCTION AND MACHINERY JOINT STOCK COMPANY No 2.

Tên viết tắt: : COMA2

Trụ sở chính của Công ty tại Xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY

Tên Công ty	Mối quan hệ	Tỷ lệ góp vốn	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 26	Công ty con	51%	51%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Lương Văn Lực	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14/5/2011
	Ông Trịnh Nam Hải	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 14/5/2011
	Ông Nguyễn Xuân Thủy	Ủy viên	
	Ông Đào Đức Thọ	Ủy viên	
	Ông Triệu Ngọc Thịnh	Ủy viên	
	Ông Nguyễn Văn Luận	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14/5/2011

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Lương Văn Lực	Tổng Giám đốc	
	Ông Nguyễn Xuân Thủy	Phó Tổng Giám đốc	
	Ông Nguyễn Quốc Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	
	Ông Nguyễn Văn Luận	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/3/2011

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Lương Văn Lực

Tổng Giám đốc

Bắc Giang, ngày 08 tháng 4 năm 2012

Số: /2012/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Số 2 Hà Bắc

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Số 2 Hà Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 08 tháng 04 năm 2012 của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Số 2 Hà Bắc từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày trên, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Lưu ý:

Việc ghi nhận Vốn đầu tư của Chủ sở hữu bao gồm giá trị thương hiệu COMA với số tiền 500.000.000 đồng có sự khác biệt với quy định hiện hành.

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2012

Bùi Thị Thúy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0580/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		158.834.863.450	164.159.968.607
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	9.854.089.966	18.390.351.911
1. Tiền	111		9.854.089.966	18.390.351.911
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		103.043.124.755	100.495.469.969
1. Phải thu khách hàng	131		100.924.774.914	97.519.245.765
2. Trả trước cho người bán	132		2.985.419.241	4.191.043.307
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	516.396.309	428.274.729
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.383.465.709)	(1.643.093.832)
III- Hàng tồn kho	140		41.914.400.796	39.469.396.323
1. Hàng tồn kho	141	5.3	41.914.400.796	39.469.396.323
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		4.023.247.933	5.804.750.404
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		85.122.476	213.046.789
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154		-	391.815
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	3.938.125.457	5.591.311.800
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260)	200		33.242.397.550	36.083.975.983
II- Tài sản cố định	220		31.943.304.170	34.568.670.594
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	31.148.478.250	32.900.197.354
- Nguyên giá	222		54.547.418.335	52.108.898.563
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.398.940.085)	(19.208.701.209)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	672.040.688	806.448.940
- Nguyên giá	228		1.612.899.000	1.612.899.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(940.858.312)	(806.450.060)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	122.785.232	862.024.300
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		700.000.000	700.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	5.8	700.000.000	700.000.000
V- Tài sản dài hạn khác	260		599.093.380	815.305.389
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	599.093.380	815.305.389
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		192.077.261.000	200.243.944.590

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MẪU B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		159.571.483.051	166.126.631.435
I- Nợ ngắn hạn	310		154.758.591.588	165.006.861.562
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	79.913.506.960	76.883.611.301
2. Phải trả người bán	312		37.568.348.541	45.979.754.731
3. Người mua trả tiền trước	313		2.603.979.702	6.936.662.848
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	12.621.589.449	9.624.682.926
5. Phải trả người lao động	315		6.347.036.613	12.675.112.792
6. Chi phí phải trả	316	5.12	1.562.144.054	2.344.864.790
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	10.812.493.810	5.408.833.570
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	5.14	2.976.475.013	4.869.209.408
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		353.017.446	284.129.196
II- Nợ dài hạn	330		4.812.891.463	1.119.769.873
1. Phải trả dài hạn khác	333		118.000.000	110.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.15	3.071.347.591	779.274.500
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		206.746.473	230.495.373
7. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.416.797.399	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU(400 = 410 +430)	400		26.594.453.255	27.477.023.665
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	26.594.453.255	27.477.023.665
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		14.889.700.000	14.889.706.850
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		488.663.400	488.656.550
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.011.439	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.371.443.832	5.136.984.565
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.923.227.135	1.355.102.515
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.920.407.449	5.606.573.185
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C- Lợi ích của Cổ đông thiểu số	439		5.911.324.694	6.640.289.490
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+439)	440		192.077.261.000	200.243.944.590

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	TM	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
1. Nợ khó đòi đã xử lý		30.893.169	-

Lương Văn Lược

Tổng Giám đốc

Bắc Giang, ngày 08 tháng 4 năm 2012

Nguyễn Thị Chanh

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MẪU B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	210.825.774.898	226.788.867.706
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.17	1.347.686.259	3.792.670
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	209.478.088.639	226.785.075.036
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	183.120.647.473	200.093.394.083
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		26.357.441.166	26.691.680.953
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	184.838.512	344.403.209
7. Chi phí tài chính	22	5.19	15.470.535.433	9.761.636.830
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>15.470.535.433</i>	<i>9.640.630.578</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.947.669.760	9.081.615.153
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		1.124.074.485	8.192.832.179
11. Thu nhập khác	31	5.20	2.573.253.321	1.243.676.642
12. Chi phí khác	32	5.20	822.522.309	614.420.875
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.750.731.012	629.255.767
14. Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60 = 30+40+50)	60		2.874.805.497	8.822.087.946
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	5.21	733.408.892	1.897.138.200
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (70 = 60-61-62))	70		2.141.396.605	6.924.949.746
19. Lợi ích của Cổ đông thiểu số	71		134.361.765	1.228.376.561
20. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	72		2.007.034.840	5.696.573.185
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	5.22	1.348	3.826

Lương Văn Lực**Tổng Giám đốc**

Bắc Giang, ngày 08 tháng 4 năm 2012

Nguyễn Thị Chanh**Kế toán trưởng**

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MẪU B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2011	Năm 2010
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	219.083.752.917	228.959.673.049
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(179.433.696.985)	(165.979.078.474)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(36.288.618.990)	(26.248.273.037)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(13.806.450.746)	(9.642.408.899)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(449.357.535)	(330.836.120)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	12.888.633.108	5.862.400.704
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(11.366.852.754)	(24.270.374.524)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(9.372.590.985)	8.351.102.699
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.450.978.222)	(2.628.308.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	601.040.758
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	184.838.512	70.004.109
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.266.139.710)	(1.957.263.315)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	181.069.661.155	151.968.676.669
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(175.747.692.405)	(141.598.594.444)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.219.500.000)	(2.968.456.028)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.102.468.750	7.401.626.197
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(8.536.261.945)	13.795.465.581
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	18.390.351.911	4.594.886.330
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	9.854.089.966	18.390.351.911

Lương Văn Lực**Tổng Giám đốc**

Bắc Giang, ngày 08 tháng 4 năm 2012

Nguyễn Thị Chanh**Kế toán trưởng**

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU B 09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc thuộc Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 1725/QĐ - BXD ngày 04/11/2004 của Bộ Xây dựng.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2003000122 ngày 24 tháng 11 năm 2004, thay đổi lần thứ 4 ngày 26 tháng 09 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty tại Xã Tân Đình, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD		Vốn góp thực tế	
	Cổ phần	Giá trị VND	Tỷ lệ %	31/12/2011 VND
Phần vốn Nhà nước	765.000	7.650.000.000	51%	7.650.000.000
Các cổ đông khác	735.000	7.350.000.000	49%	7.239.700.000
Tổng	1.500.000	15.000.000.000	100%	14.889.700.000

Công ty con

Tên Công ty	Mối quan hệ	Tỷ lệ góp vốn	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 26	Công ty con	51%	51%

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Thiết kế chế tạo và lắp đặt kết cấu thép, các loại cần trục, thiết bị phi tiêu chuẩn, thiết bị đồng bộ;
- Thiết kế, chế tạo, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chịu áp;
- Gia công chế tạo các thiết bị công nghiệp: chủ yếu là các loại máy cắt tôn, uốn tôn các kích cỡ;
- Chế tạo các thiết bị phụ tùng cho các ngành sản xuất vật liệu xây dựng: gầu tải, vít tải, băng tải, quạt công nghiệp;
- Chế tạo thiết bị, phụ tùng cho ngành xây lắp: giàn giáo, cột chống, dây truyền làm sạch và sơn sản phẩm: mạ điện, mã kẽm nóng các thiết bị công nghiệp và dân dụng;
- Thi công xây dựng các công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110KV. Kinh doanh vật liệu xây dựng, các chủng loại vật tư khác phục vụ cho chế tạo, lắp đặt kết cấu thép và thiết bị phi tiêu chuẩn./.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2011: Thi công các công trình xây lắp và sản xuất công nghiệp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Nhóm tài sản**Thời gian khấu hao (Năm)**

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm giá trị công cụ công cụ, dụng cụ, thương hiệu COMA chờ phân bổ và các khoản chi phí khác.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện Hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty mẹ là doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa theo Nghị định số 64/2002/NĐ - CP ngày 19/6/2002 được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định; thực hiện miễn thuế 2 năm (2005 - 2006) giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo (2007- 2008 - 2009) đối với doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi Công ty Nhà nước thành Công ty cổ phần.

Công ty con được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp tại điểm 12, Mục VI, danh mục A, Nghị định 164/2003/NĐ- CP ngày 22/12/2003. Công ty được miễn 02 năm (2007- 2008) và được giảm 50% cho 03 năm tiếp theo (2009- 2010- 2011).

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	5.155.906.187	23.566.396
Tiền gửi Ngân hàng	4.698.183.779	18.366.785.515
Tổng	9.854.089.966	18.390.351.911

5.2 Các khoản phải thu khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	11.883.950	11.883.950
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	194.830.479	244.566.427
Phải thu người lao động (BHXH, BHYT, BHTN)	218.977.951	121.034.223
Các khoản phải thu khác	90.703.929	50.790.129
Tổng	516.396.309	428.274.729

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.923.727.386	8.617.920.850
Công cụ, dụng cụ	141.305.578	149.020.118
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	29.782.453.089	30.162.507.262
Thành phẩm	60.546.043	-
Hàng hóa	6.368.700	539.948.093
Tổng	41.914.400.796	39.469.396.323

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	3.310.813.457	4.976.999.800
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	627.312.000	614.312.000
Tổng	3.938.125.457	5.591.311.800

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.5 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Năm 2011	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
Nguyên giá					
Số dư tại 01/01/2011	25.040.334.433	22.979.787.470	3.532.589.604	556.187.056	52.108.898.563
Tăng trong năm	161.200.000	2.246.319.772	-	31.000.000	2.438.519.772
Mua trong năm	161.200.000	2.246.319.772	-	31.000.000	2.438.519.772
XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	25.201.534.433	25.226.107.242	3.532.589.604	587.187.056	54.547.418.335
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại 01/01/2011	6.187.847.237	11.078.541.082	1.635.427.917	306.884.973	19.208.701.209
Tăng trong năm	1.243.922.732	2.519.019.301	341.388.468	85.908.375	4.190.238.876
Khấu hao trong năm	1.243.922.732	2.519.019.301	341.388.468	85.908.375	4.190.238.876
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	7.431.769.969	13.597.560.383	1.976.816.385	392.793.348	23.398.940.085
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2011	18.852.487.196	11.901.246.388	1.897.161.687	249.302.083	32.900.197.354
Tại 31/12/2011	17.769.764.464	11.628.546.859	1.555.773.219	194.393.708	31.148.478.250

5.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	862.024.300	1.856.335.434
Tăng trong năm	1.185.492.004	446.627.993
Giảm	1.924.731.072	1.440.939.127
- <i>Kết chuyển tài sản cố định</i>	<i>1.924.731.072</i>	<i>1.432.269.460</i>
- <i>Hoàn nhập nguyên vật liệu</i>	<i>-</i>	<i>8.669.667</i>
Tại ngày 31 tháng 12	122.785.232	862.024.300

Chi tiết theo công trình

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chế tạo cầu trục 5 tấn	-	794.085.613
Mở rộng văn phòng nhà để xe	59.791.213	59.791.213
Máy ép thủy lực	53.347.474	8.147.474
Máy quay bóng	9.646.545	-
Tổng	122.785.232	862.024.300

5.8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số	Giá trị	Số	Giá trị
	lượng	VND	lượng	VND
Đầu tư mua cổ phiếu Công ty COMAUID	70.000	700.000.000	70.000	700.000.000

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	815.305.389	1.122.717.818
Tăng trong năm	294.658.682	407.458.242
Phân bổ vào chi phí trong năm	510.870.691	693.044.741
Phân loại sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	21.825.930
Tại ngày 31 tháng 12	599.093.380	815.305.389

Chi tiết theo nội dung

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	449.093.380	615.305.389
Thương hiệu COMA chờ phân bổ	150.000.000	200.000.000
Tổng	599.093.380	815.305.389

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.10 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng Công Thương Lạng Giang (1)	13.479.989.400	14.983.779.182
Ngân hàng Ngoại Thương Bắc Ninh (2)	20.000.000.000	19.956.236.259
Ngân hàng NN & PTNT Bắc Giang (3)	2.900.000.000	3.199.200.000
Vay Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bắc Ninh (4)	24.493.132.478	27.607.824.806
Ngân hàng Ngoại Thương Bắc Ninh - KCN Quế Võ (5)	9.979.659.082	4.948.785.961
Vay huy động vốn của các cá nhân	8.850.726.000	3.378.113.093
Nợ dài hạn đến hạn trả	210.000.000	2.809.672.000
Tổng	79.913.506.960	76.883.611.301

(1): Hợp đồng tín dụng số 051 - 024 - 01 - CK2/HĐTD ngày 03/06/2010, hạn mức cho vay 15 tỷ, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay áp dụng theo phương thức thả nổi, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp tài sản số 046-024 - 01- CK2/HĐBĐ ngày 02/06/2010 và Biên bản định giá lại tài sản kèm phụ lục HĐTD số 047,048 - 024 - 01 - CK/BBĐGLTS ngày 20/5/2010.

(2): Hợp đồng tín dụng hạn mức số 036/10/HM/BG ngày 30/09/2010, hạn mức tối đa 30 tỷ, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, lãi suất tiền vay theo từng lần nhận nợ và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tài sản đảm bảo bằng các hợp đồng thế chấp số 159/08/HĐTC/BG ngày 15/12/2008; và hợp đồng thế chấp số 001,002,044,035/10/HĐTC/BG.

(3): Hợp đồng tín dụng số 90704042/HĐTD ngày 09/02/2009, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, lãi suất tiền vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất quá hạn 150%/tháng so với lãi suất nợ trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ tiền vay

(4): Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0001/11/HĐ ngày 21/02/2011, Hạn mức cho vay là: 27.500.000.000đ, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, thời hạn rút vốn là 12 tháng kể từ ngày 21/02/2011, lãi suất được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng.

(5): Hợp đồng tín dụng hạn mức số 059/11/HM/BN ngày 30/06/2011, Hạn mức cho vay là: 10.000.000.000đ, mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, thời hạn rút vốn là 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực, thời hạn vay tối đa là 8 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày Bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn, lãi suất cho vay được xác định theo lãi suất thả nổi trong từng thời kỳ của ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN/HN

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	9.104.133.939	6.728.275.872
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.054.604.443	2.770.553.086
Thuế thu nhập cá nhân	243.561.282	125.853.968
Tổng	12.621.589.449	9.624.682.926

5.12 Chi phí phải trả

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước lãi vay	745.201.488	267.877.334
Lãi vay phải trả vay cá nhân	229.838.999	-
Chi phí phải trả khác	102.007.521	140.556.598
Trích trước chi phí công trình	485.096.046	1.936.430.858
<i>Công trình Thủy điện A Lưới</i>	-	802.000.000
<i>Xi măng Lạng Sơn</i>	-	961.727.222
<i>Nhà xưởng Vĩnh Sáng</i>	-	172.703.636
<i>Công trình Nhiệt Điện Vũng Áng</i>	120.000.000	-
<i>Công trình Sông Chảy</i>	365.096.046	-
Tổng	1.562.144.054	2.344.864.790

5.13 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.531.722.666	1.147.908.995
Bảo hiểm xã hội	3.101.422.102	1.617.013.737
Bảo hiểm y tế	-	349.574.860
Phải trả về cổ phần hóa	131.232.323	131.232.323
Tiền đầu tư góp vốn Công ty COMAUID	-	700.000.000
Tổng Công ty tiền mua hàng thanh lý	-	161.428.822
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.048.116.719	1.301.674.833
<i>Tiền lãi phải trả cá nhân trong COMAUID</i>	-	161.428.822
<i>Tiền vay tạm của các cá nhân</i>	2.905.400.000	-
<i>Cổ tức trả các cổ đông</i>	1.085.955.000	-
<i>Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng</i>	1.000.000.000	35.301.726
<i>Tiền ốm đau thai sản</i>	-	8.528.188
<i>Tiền cổ tức phải trả theo vốn góp</i>	-	12.772.368
<i>Chi phí cổ phần hóa doanh nghiệp</i>	59.858.660	59.858.660
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	996.903.059	1.023.785.069
Tổng	10.812.493.810	5.408.833.570

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.14 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Dự phòng bảo hành các công trình xây lắp	2.976.475.013	4.869.209.408
Tổng	2.976.475.013	4.869.209.408

5.15 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	3.071.347.591	779.274.500
Ngân hàng Ngoại Thương Bắc Giang (1)	318.500.000	528.500.000
Ngân hàng Ngoại Thương Bắc Ninh - KCN Quế võ	920.000.000	-
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Dầu Khí Toàn Cầu	118.464.000	250.774.500
Vay cá nhân	1.714.383.591	
Tổng	3.071.347.591	779.274.500

(1): Hợp đồng tín dụng trung hạn số 007/10/OTO/BG tháng 10 năm 2010, số tiền vay 738.500.000 đồng, thời hạn vay 42 tháng, lãi suất thả nổi và điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn, mục đích vay là mua mới 01 chiếc xe ô tô TOYOTA CAMRY LE 05 chỗ ngồi. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ tiền vay.

5.16 Vốn chủ sở hữu**Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn Nhà nước	7.650.000.000	7.650.000.000
Các cổ đông khác	7.239.700.000	7.239.706.850
Cộng	14.889.700.000	14.889.706.850

Cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.488.970	1.488.971
Cổ phiếu phổ thông	1.488.970	1.488.971
Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/ cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**Biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại 01/01/2010	14.889.706.850	488.656.550	-	3.134.303.121	827.469.282	5.276.542.278	24.618.688.081
Tăng trong năm	-	-	-	2.002.681.444	527.633.233	6.924.949.746	9.455.264.423
Từ phân phối lợi nhuận	-	-	-	2.002.681.444	527.633.233	-	2.530.314.677
Lợi nhuận năm 2010	-	-	-	-	-	6.924.949.746	6.924.949.746
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	6.594.918.839	6.594.918.839
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	3.533.456.028	3.533.456.028
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	3.061.462.811	3.061.462.811
Tại 31/12/2010	14.889.706.850	488.656.550	-	5.136.984.565	1.355.102.515	5.606.573.185	27.477.023.665
Tại 01/01/2011	14.889.706.850	488.656.550	-	5.136.984.565	1.355.102.515	5.606.573.185	27.477.023.665
Tăng trong năm	-	6.850	1.011.439	2.234.459.267	568.124.620	2.007.034.840	4.810.637.016
Từ phân phối lợi nhuận	-	-	-	2.234.459.267	568.124.620	-	2.802.583.887
Đánh giá chênh lệch	-	-	1.011.439	-	-	-	1.011.439
Lợi nhuận năm 2010	-	-	-	-	-	2.007.034.840	2.007.034.840
Tăng khác	-	6.850	-	-	-	-	6.850
Giảm trong năm	6.850	-	-	-	-	5.693.200.576	5.693.207.426
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	2.233.455.000	2.233.455.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	3.459.745.576	3.459.745.576
Giảm khác	6.850	-	-	-	-	-	6.850
Tại 31/12/2011	14.889.700.000	488.663.400	1.011.439	7.371.443.832	1.923.227.135	1.920.407.449	26.594.453.255

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.17 Doanh thu

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu từ lắp đặt, chế tạo	210.825.774.898	226.788.867.706
Tổng	210.825.774.898	226.788.867.706
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.347.686.259	3.792.670
Doanh thu thuần	209.478.088.639	226.785.075.036

5.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn hàng bán từ lắp, chế tạo	183.120.647.473	200.093.394.083
Tổng	183.120.647.473	200.093.394.083

5.19 Doanh thu/ Chi phí tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	184.838.512	344.403.209
Tổng	184.838.512	344.403.209
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	15.470.535.433	9.640.630.578
Các khoản chi phí tài chính khác	-	121.006.252
Tổng	15.470.535.433	9.761.636.830
Doanh thu tài chính thuần	(15.285.696.921)	(9.417.233.621)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.20 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập về thanh lý tài sản cố định	-	772.727.273
Thu nhập từ bán phế liệu thu hồi	454.545.454	-
Hoàn trích lập dự phòng bảo hành công trình	1.892.734.395	181.869.040
Xử lý các công nợ nhỏ lẻ	221.166.535	-
Thu nhập khác	4.806.937	289.080.329
Tổng	2.573.253.321	1.243.676.642
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	171.686.515
Chi phí chậm nộp Bảo hiểm	209.167.454	181.816.657
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	126.680.463	-
Phạt vi phạm hợp đồng - Công ty Đạm Hà Bắc	24.832.000	-
Thanh lý hàng tại Minh Khai của Ông Tiến	390.770.997	-
Chi phí khác	71.071.395	260.917.703
Tổng	822.522.309	614.420.875
Thu nhập khác thuần	1.750.731.012	629.255.767

5.21 Thuế thu nhập Doanh nghiệp

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.874.805.497	8.822.087.946
Điều chỉnh tăng	270.647.172	302.869.199
Điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận chịu thuế	3.145.452.669	9.124.957.145
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Tổng chi phí thuế TNDN năm hiện hành	786.363.167	2.281.239.286
Thuế TNDN được giảm (*)	52.954.276	384.101.085
Tổng	733.408.892	1.897.138.200

(*) Công ty con được giảm 100% Thuế thu nhập Doanh nghiệp trong 02 năm (2007 - 2008) và 50% trong 03 năm tiếp theo tại điểm 12, Mục VI, danh mục A, Nghị định 164/2003/NĐ - CP ngày 22/12/2003. Công ty mẹ được giảm 50% năm (2007- 2008- 2009) theo Nghị định số 64/2002/NĐ - CP ngày 19/6/2002 đối với Doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi Công ty Nhà nước thành Công ty cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN/HN

5.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận /lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.007.034.840	5.696.573.185
Lợi nhuận /lỗ phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.007.034.840	5.696.573.185
Các khoản điều chỉnh		-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.007.034.840	5.696.573.185
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	1.488.970	1.488.971
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	1.348	3.826

5.23 Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	106.434.322.157	99.145.714.727
Chi phí nhân công	38.847.728.075	37.883.210.603
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.327.256.460	2.161.691.234
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.113.792.601	9.770.644.970
Chi phí khác bằng tiền	3.549.701.230	29.099.240.944
Tổng	172.272.800.523	178.060.502.478

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch các bên liên quan****Giao dịch với các bên liên quan**

	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
Giao dịch mua hàng				
Công ty TNHH MTV -Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Công ty mẹ	Mua hàng	-	348.526.812
		Phí thương hiệu	-	387.898.044
Giao dịch bán hàng				
Công ty TNHH MTV -Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Công ty mẹ	Bán hàng	17.006.331.528	48.707.088.156
		Lãi trả chậm	-	274.399.100
Giao dịch khác				
Công ty TNHH MTV -Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Công ty mẹ	Chia cổ tức	1.147.500.000	1.147.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN/HN

Số dư với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Các khoản phải thu				
Công ty TNHH MTV -Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Công ty mẹ	Bán hàng	22.697.886.950	37.175.366.072
Các khoản phải thu khác				
Công ty TNHH MTV -Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Công ty mẹ	Tiền bảo hiểm	11.883.950	11.883.950
Các khoản phải trả, phải nộp khác				
Công ty TNHH MTV -Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Công ty mẹ	Cổ tức	-	12.772.368
Công ty TNHH MTV -Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Công ty mẹ	Lãi vay	-	35.301.726
Công ty TNHH MTV -Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Công ty mẹ	Tiền vay	1.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV -Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Công ty mẹ	Phí thương hiệu	-	288.224.132

6.2 Điều chỉnh hồi tố

Căn cứ theo Quyết định số 2731/QĐ - KTT1 ngày 16 tháng 11 năm 2011 của Cục trưởng Cục thuế Bắc Giang, Biên bản kiểm tra thuế ngày 06/12/2011 về việc kiểm tra thuế tại Báo cáo tài chính năm 2010. Chênh lệch cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Số dư tại 01/01/2011	Số dư tại 31/12/2010	Chênh lệch
Phải thu khác	428.274.729	509.993.681	(81.718.952)
Công thay đổi Tài sản			(81.718.952)
Thuế TNDN phải nộp	2.770.553.086	2.765.582.217	4.970.869
Thuế thu nhập cá nhân	125.853.968	207.572.920	(81.718.952)
Chi phí phải trả	2.344.864.790	2.364.748.268	(19.883.478)
Lợi nhuận chưa phân phối	5.606.573.185	5.591.660.576	14.912.609
Cộng thay đổi Nguồn vốn			(81.718.952)

Báo cáo kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2010 (sau điều chỉnh)	Năm 2010 (trước điều chỉnh)	Chênh lệch
Chi phí tài chính	9.761.636.830	9.781.520.308	(19.883.478)
Chi phí thuế TNDN	1.897.138.200	1.892.167.331	4.970.869
Lợi nhuận sau thuế	5.696.573.185	5.681.660.576	14.912.609
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.826	3.816	10

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ BẮC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6.3 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Lương Văn Lực

Tổng Giám đốc

Bắc Giang, ngày 08 tháng 4 năm 2012

Nguyễn Thị Chanh

Kế toán trưởng